

Bản án số: 46/2018/HSPT

Ngày: 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Thân Thắng.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Ông Dương Thế Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/4/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 211/2017/HSPT ngày 13/11/2017 đối với các bị cáo Hoàng Thị H, Nguyễn Văn P, Trần Xuân K do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: Nguyễn Văn P, tên gọi khác: không có, sinh năm 1976 tại xã Q, huyện T ; Nơi cư trú: thôn S 2, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1941 và bà: Thạch Thị B, sinh năm 1943; Có vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1976 và có 02 con: con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2012/HSST ngày 28/9/2012 Toà án nhân dân huyện T xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 17 tháng 26 ngày tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 10.610.000 đồng); Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2016 đến ngày 23/11/2016 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Hoàng Thị H (H3), tên gọi khác: không có; sinh năm 1974 tại xã P, huyện Y; Nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính : Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1938 và bà: Bùi

Thị T (đã chết năm 2014); có chồng là Nguyễn Trọng L (đã chết năm 2011) và có 02 con: con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Tại bản án số 15/2015 ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 5 tháng tù cho hưởng án treo thử thách 12 tháng về tội đánh bạc (số tiền đánh bạc là 4.750.000 đồng); Bị cáo đầu thú, sau đó bỏ trốn bị bắt theo lệnh truy nã, bị tạm giam từ ngày 03/2/2017 đến ngày 3/4/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Trần Xuân K, tên gọi khác: Không có; sinh năm 1989 tại xã T, huyện Y; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông : Không xác định được; Con bà: Trần Thị Đ, sinh năm 1959 có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1994 và có 03 con: con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án: Bản án số 34/2015/HSST ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2016; Tiền sự: không; Nhân thân:

+ Ngày 30/11/2004 Công an huyện Y xử phạt cảnh cáo về hành vi “trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 27/2007/HSST ngày 12/6/2007 Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HSST ngày 29/2/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chuyển 8 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 27/2007/HSST ngày 12/6/2007 Tòa án nhân dân huyện Y thành 8 tháng tù giam. Buộc chấp hành chung cả hai bản án là 20 tháng tù giam.

Bị cáo đầu thú, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân K, bị cáo Nguyễn Văn P: Bà Giáp Thị H và bà Thân Thị Thúy V là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

** Người tham gia tố tụng khác: Ngoài ra vụ án còn có 11 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng số 25/KSĐT ngày 16/6/2017 của VKSND huyện T và bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 01/11/2016, Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 ở thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc

Giang đang ở nhà thì lần lượt có: Phan Văn C1, sinh năm 1976 ở Bản Đ, xã C, huyện Y đi cùng với đối tượng tên là T ở huyện Y (hiện không xác định được họ tên đệm và địa chỉ cụ thể của T); Dương Quang C2, sinh năm 1977 ở thôn D, xã A, huyện T; Phạm Văn H1, sinh năm 1979 ở xóm Đ, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Lê Văn S, sinh năm 1972 ở thôn T, xã Đ, huyện Y; Trần Đăng C3, sinh năm 1982 ở thôn C, xã Q, huyện T đến nhà H mục đích để đánh bạc. Khi đến các đối tượng ngồi uống nước ở bàn gần cổng nhà H, sau đó H bảo S đi chẻ tre làm “quân vị”, S chẻ tre làm 04 “quân vị” rồi dùng bút dạ tô một mặt màu đen, mặt còn lại để nguyên, sau khi làm “quân vị” xong S trải chiếu và nỉ ra gian nhà bếp mới xây của gia đình H, H lấy 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa và “bảng vị” ra chiếu để cho các đối tượng đánh bạc. Các đối tượng vào gian nhà bếp mới xây của gia đình H để đánh bạc và thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa chặn lẻ ăn tiền”. Dương Quang C1 là người “xóc cái” và C1 có đưa cho Phạm Văn H1 1.000.000 đồng, bảo H1 cầm “bảng vị” để đánh bạc, nếu H1 thắng bạc thì đưa tiền cho C2, H1 và C2 có thỏa thuận C2 sẽ trả cho H1 từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. H thuê S làm “hồ lý”, S là người chuẩn bị “quân vị” và chải chiếu thu tiền phé của mỗi người đánh bạc 100.000 đồng, sau khi kết thúc mỗi buổi đánh bạc xong thì H sẽ trả cho S 100.000 đồng tiền công.

Đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa chặn lẻ ăn tiền” có nghĩa là cho 04 “quân vị” vào chiếc đĩa và úp bát lên đĩa để “xóc cái”, sau đó đặt đĩa xuống chiếu những người chơi đặt tiền theo hai “cửa chặn” và “cửa lẻ”, khi mở bát ra nếu có các “quân vị” có 02 mặt màu đen, 02 mặt màu trắng hoặc 04 mặt màu đen hoặc 04 mặt màu trắng thì người đặt “cửa chặn” thắng; còn khi mở bát ra nếu có các “quân vị” có 03 mặt màu đen và 01 mặt màu trắng hoặc 03 mặt màu trắng và 01 mặt màu đen thì người đặt “cửa lẻ” sẽ thắng. Các đối tượng thống nhất đặt cửa mức tối thiểu là 100.000 đồng, không quy định tối đa, tỷ lệ thắng thua là 01 ăn 01. Người “xóc cái” sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng nếu thiếu thì phải bỏ tiền của mình ra trả cho người thắng, nếu số tiền của người thua nhiều hơn số tiền của người thắng thì người “xóc cái” sẽ được số tiền đó.

Các đối tượng đánh bạc được một lúc thì có Trần Xuân K; sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã T, huyện Y (đi cùng người thanh niên tên là D là bạn của K nhà ở Bắc Ninh đến), thấy mọi người đánh bạc K vào tham gia đánh bạc cùng còn D ngồi xem. Sau đó lần lượt có: Hoàng Thị H (H3), sinh năm 1974 ở thôn C, xã P, huyện Y; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 ở Phố B, thị trấn N, huyện T; Nguyễn Văn H4, sinh năm 1980 ở thôn T, xã Q, huyện T; Đỗ Văn T2, sinh năm 1977 ở thôn C, xã Q, huyện T; Nguyễn Tuấn H5, sinh năm 1974 ở thôn C, xã T, huyện T; Giáp Văn C4, sinh năm 1976 ở thôn G, xã T, huyện T; Lê Thanh T3, sinh năm 1978 ở thôn T, xã C, huyện T; Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 ở thôn S, xã Q, huyện T đến tham gia đánh bạc cùng. Trong khi đánh bạc S có thu của Dương Quang C1, Trần Đăng C3, C2, C4, T1, K, H3, H5, T2, H4, T3 mỗi đối tượng 100.000 đồng tiền phé, sau đó S đưa số tiền này cho H.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày 01/11/2016 thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện bắt quả tang đối với: Nguyễn Văn H, Dương Quang C2, Trần Đăng C3, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H4, Giáp Văn C4 và Phạm Văn H1. Lợi dụng sơ hở Hoàng Thị H3, Trần Xuân K, Lê Thanh T3, Lê Văn S, Đỗ Văn T2, Phan Văn C1, Nguyễn Tuấn H5, Nguyễn Văn T1 và người thanh niên tên T và D bỏ trốn. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Thu trên chiếu bạc số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng).
- 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị; 01 bảng vị; 01 chiếc thảm màu xanh kích thước khoảng (3,2x0,8)m; 02 (hai) chiếc cói đôi có hoa văn màu đỏ; 08 tấm thảm nỉ có hoa văn đỏ trắng có kích thước khoảng (50x60)cm; 17 chiếc ghế nhựa nhỏ; 01 chiếc hòm tôn nhỏ kích thước khoảng (25x15x15)cm.
- 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen có IMEI: 351718060673045; 01 chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen có IMEI1 359311049755125 và IMEI 2: 359311049755133; 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng có IMEI 013624003854546.
- Thu của Nguyễn Văn P: 01 chiếc điện thoại Nokia X1 màu đen, số IMEI 1: 359310044289007, số IMEI 2: 359310044289015 và số tiền 8.450.000 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
- Thu của Phạm Văn H1: 01 chiếc điện thoại Nokia 106 màu đen số IMEI: 359997050670987; 01 chiếc điện thoại Nokia 1200 màu đen, số IMEI: 359346021301613 và số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).
- Thu của Nguyễn Văn H4: 01 chiếc điện thoại FPT màu đen, viền xanh, số IMEI1: 980056002112395 và số tiền 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Thu của Trần Đăng C3: 01 chiếc điện thoại Masstel màu ghi, số IMEI: 911416452970029; 911416452970037 và số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).
- Thu của Giáp Văn C4: 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen, số IMEI1: 869700021570218 và IMEI2: 869700021570200 và số tiền 240.000 đồng (hai trăm bốn mươi nghìn đồng).
- Thu giữ tại sân nhà Nguyễn Văn H 13 xe mô tô, gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Fulai X màu xanh đen, biển kiểm soát 98L7-19**; 01 chiếc xe Exciter GP màu xanh, biển kiểm soát 99D1-265.**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angl màu đen, biển kiểm soát 98F6-18**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xanh, biển kiểm soát 98B1-473.**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ, biển kiểm soát 98N8-23**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel màu đen, biển kiểm soát 20H3-75**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Gravita màu đỏ đen, biển kiểm soát 98Y2-84**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đen, biển kiểm soát 98L3-66**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream màu đen, biển kiểm soát 98B1-

701.**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM Jupiter màu đen, biển kiểm soát 98M6-55**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu đen trắng, biển kiểm soát 12H1-181.**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Jupiter MX màu đen bạc, biển kiểm soát 98M5-67**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 20L8-43**.

- Thu tại khu đất trống thuộc địa phận thôn Đ, xã L: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz màu xanh, biển kiểm soát 98A-082.**.

Cùng ngày Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở đồ vật tài liệu của Nguyễn Văn H, kết quả không thu giữ được vật chứng gì liên quan đến vụ án.

Từ ngày 02/11/2016 đến ngày 14/11/2016, 07 (bảy) đối tượng lần lượt đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú, gồm: Lê Thanh T3 đầu thú ngày 02/11/2016 và tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc 160.000 đồng; Nguyễn Tuấn H5, Nguyễn Văn T1 và Đỗ Văn T2 đầu thú ngày 03/11/2016; Lê Văn S đầu thú ngày 05/11/2016; Trần Xuân K đầu thú ngày 14/11/2016.

Đối với Phan Văn C1 bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định truy nã, đến ngày 10/4/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã bắt được C1 theo quyết định truy nã. Trong quá trình bắt C1 tự nguyện giao nộp: 01 ví da màu nâu đã cũ bên trong có 733.000 đồng; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn C1, 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 230 vỏ màu trắng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thừa nhận hành vi đánh bạc như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã chứng minh được tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc tổng số là 17.850.000 đồng, trong đó: thu trên chiếu bạc là 6.800.000 đồng; thu trên người Nguyễn Văn P 8.450.000 đồng, Nguyễn Văn H4 1.700.000 đồng, Trần Đăng C2 500.000 đồng, Giáp Văn C4 240.000 và Lê Thanh T3 tự nguyện giao nộp 160.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai số tiền mang theo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể: Dương Quang C2 mang theo 350.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Trần Đăng C3 mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn T1 mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Nguyễn Tuấn H5 mang theo 350.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Giáp Văn C4 mang theo 440.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Đỗ Văn T2 mang theo 600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn H4 mang theo 1.700.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Trần Xuân K mang theo 650.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Hoàng Thị H3 mang theo 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn P mang theo 8.750.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Phan Văn C1 mang theo 950.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, Lê Thanh T3 mang theo 160.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 25/KSĐT ngày 16 tháng 6 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Văn S về tội “gá bạc” theo khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Dương Quang C2, Giáp Văn C4, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn P, Trần Đăng C3, Lê Thanh T3, Nguyễn Văn T1, Đỗ Văn T2, Nguyễn Tuấn H5, Hoàng Thị H3, Trần Xuân K, Phan Văn C1 về tội “đánh bạc” theo khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố các Nguyễn Văn H, Lê Văn S phạm tội “gá bạc”; Các bị cáo Dương Quang C2, Giáp Văn C4, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn P, Trần Đăng C3, Lê Thanh T3, Nguyễn Văn T1, Đỗ Văn T2, Nguyễn Tuấn H5, Hoàng Thị H3, Trần Xuân K, Phan Văn C1 phạm tội “đánh bạc”

2. Về hình phạt:

- □p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm x khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015, Nghị quyết 109, nghị quyết 144 của Quốc Hội; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn P;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian thụ hình (từ ngày 01/11/2016 đến ngày 23/11/2016). Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- □p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Hoàng Thị H3;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị H3 05 (năm) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian thụ hình (từ ngày 03/02/2017 đến ngày 03/4/2017). Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

□p dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trần Xuân K;

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân K 10 (mười) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian thụ hình. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án xử phạt các bị cáo khác trong vụ án với mức án từ 04 tháng tù (nhưng cho hưởng án treo) đến 13 tháng tù, phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/10/2017 bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng sau đó đã rút kháng cáo.

Ngày 11/10/2017 bị cáo Lê Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo nhưng sau đó đã rút kháng cáo .

Ngày 03/10/2017 bị cáo Nguyễn Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Ngày 10/10/2017 bị cáo Hoàng Thị H3 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 09/10/2017 bị cáo Trần Xuân K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Xuân K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bổ sung yêu cầu kháng cáo xin miễn tiền phạt bổ sung, án phí với lý do: Hình phạt 10 tháng tù là nặng. Bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo C1 trong vụ án, bị cáo C1 đánh bạc từ đầu, bị cáo vào tham gia đánh bạc sau, số tiền tham gia đánh bạc của C1 nhiều hơn, nhân thân đều có tiền án như nhau nhưng hình phạt bị cáo lại bằng nhau là không công bằng. Năm 2018 gia đình bị cáo được công nhận là hộ nghèo ở địa phương. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để cung cấp.

- Bị cáo Nguyễn Văn P thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn tiền phạt bổ sung, án phí với lý do: hình phạt 07 tháng tù là nặng, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn năm 2018 gia đình bị cáo được công nhận thuộc hộ cận nghèo tại địa phương, bị cáo có thời gian tham gia quân đội. Bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào mới để cung cấp.

- Bị cáo Hoàng Thị H3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Hình phạt 5 tháng tù là nặng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã chấp hành xong quyết định của án sơ thẩm về tiền phạt bổ sung, án phí, tiền truy thu sung quỹ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bố bị cáo là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3. Bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào mới để cung cấp.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp cho TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho các bị cáo. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo Trần Xuân K, Nguyễn Văn P, Hoàng Thị H3 không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy cấp sơ thẩm tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp và đã có sự chiếu cố khoan hồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình phạt tù, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang về hình phạt tù. Đề nghị áp dụng điểm d, khoản 1, Điều 355; Điều 357- BLTTHS, sửa bản án sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của TAND

huyện T, tỉnh Bắc Giang về hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo Trần Xuân K, Nguyễn Văn P.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo K, P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo H3 phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân K nhất trí về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như đề xuất miễn tiền phạt bổ sung, án phí mà đại diện VKS đã đề xuất áp dụng đối với bị cáo. Về hình phạt tù đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, vai trò của bị cáo trong vụ án để giảm nhẹ cho bị cáo.

- Bị cáo Trần Xuân K nhất trí quan điểm của người bào chữa, không bổ sung gì.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P nhất trí về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như đề xuất miễn tiền phạt bổ sung, án phí mà đại diện VKS đã đề xuất áp dụng đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo có thời gian tham gia quân đội theo khoản 2, Điều 46- BLHS cho bị cáo. Về số tiền đánh bạc thì bị cáo mang tiền đi trả nợ nhưng thấy có đánh bạc thì vào tham gia được 1 ván thì đã bị bắt ngay. Do đó về hình phạt tù đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn P nhất trí quan điểm của người bào chữa, không bổ sung gì.

- Bị cáo Hoàng Thị H3 đề nghị đại diện Viện kiểm sát xem xét tình tiết bị cáo có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến; bị cáo đã nộp tiền phạt, truy thu sung quỹ và án phí đầy đủ.

- Đại diện VKS: Nhất trí các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo P, H3 cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm là thuộc khoản 2, Điều 46- BLHS. Tuy nhiên căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy cấp sơ thẩm tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp và đã có sự chiếu cố khoan hồng. Vì vậy, đại diện VKS giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình phạt.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo

được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 01/11/2016, tại gia đình nhà Nguyễn Văn H (sinh năm 1970 ở thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang), Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện bắt quả tang 12 đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức “đánh xóc đĩa ăn tiền” (gồm: Phan Văn C1 - sinh năm 1976 ở Bản Đ, xã C, huyện Y; Dương Quang C2 - sinh năm 1977 ở thôn D, xã A, huyện T; Trần Đăng C3 - sinh năm 1982 ở thôn C, xã Q, huyện T; Trần Xuân K - sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã T, huyện Y; Hoàng Thị H3 - sinh năm 1974 ở thôn C, xã P, huyện Y; Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1990 ở Phố B, thị trấn N, huyện T; Nguyễn Văn H4 - sinh năm 1980 ở thôn T, xã Q, huyện T; Đỗ Văn T2 - sinh năm 1977 ở thôn C, xã Q, huyện T; Nguyễn Tuấn H5 - sinh năm 1974 ở thôn C, xã T, huyện T; Giáp Văn C4 - sinh năm 1976 ở thôn G, xã T, huyện T, Lê Thanh T3- sinh năm 1978 ở thôn T, xã C, huyện T; Nguyễn Văn P - sinh năm 1976 ở thôn S 2, xã Q, huyện T).

Đối với Nguyễn Văn H là chủ nhà có hành vi sử dụng địa điểm, tạo điều kiện để cho 12 đối tượng cùng một lúc đánh bạc tại gia đình để thu tiền phế; Lê Văn S đồng phạm với H với vai trò giúp sức cho H (S là người làm “quân vị”, chải chiếu và được H thuê để thu “tiền phế” của các đối tượng đánh bạc), khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo H, S đều đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử Nguyễn Văn H và Lê Văn S về tội “Gà bạc”, theo khoản 1, Điều 249 - Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

Số tiền đánh bạc của các bị cáo gồm thu trên chiếu bạc là 6.800.000 đồng; thu trên người Nguyễn Văn P 8.450.000 đồng, Nguyễn Văn H4 1.700.000 đồng, Trần Đăng C3 500.000 đồng, Giáp Văn C4 240.000 và Lê Thanh T3 tự nguyện giao nộp 160.000 đồng; tiền hồ các đối tượng nộp cho Nguyễn Văn H 1.100.000 đồng, 400.000 đồng bị cáo Hoàng Thị H3 đánh bạc cầm đi khi bỏ trốn tổng số tiền là 19.350.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử các bị cáo về tội “đánh bạc” theo khoản 1, Điều 248- Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy:

[3.1]. Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

[3.2]. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu

kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm. Bị cáo Nguyễn Văn P mặc dù bị cáo khai sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, nhưng số tiền đó bị cáo chưa bỏ ra đánh bạc (Bị cáo vẫn để tiền trong người) thời gian đánh bạc của bị cáo ngắn nhất (bị cáo mới đánh được một ván), cấp sơ thẩm xác định bị cáo có vai trò thứ hai trong hành vi đánh bạc; các bị cáo K, H3 tham gia đánh bạc sau và có số tiền dùng vào việc đánh bạc ít nên cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có vai trò thứ ba trong hành vi đánh bạc là có căn cứ.

[3.3]. Về nhân thân các bị cáo P, H3, K cấp sơ thẩm xác định là nhân thân xấu là có căn cứ vì:

- Đối với bị cáo H3: Tại bản án số 15/2015/HSST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 5 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 4.750.000 đồng).

- Đối với bị cáo P: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 79/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 17 tháng 26 ngày tính từ ngày tuyên án về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc là 10.610.000 đồng).

- Đối với bị cáo K:

- + Tại bản án số 34/2015/HSST ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2016;

- + Ngày 30/11/2004 Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- + Tại bản án số 27/2007/HSST ngày 12/6/2007 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản";

- + Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2008/HSST ngày 29/2/2008 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chuyển 8 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 27/2007/HSST ngày 12/6/2007 Tòa án nhân dân huyện Y thành 8 tháng tù giam. Buộc chấp hành chung cả hai bản án là 20 tháng tù giam.

[3.4]. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Bị cáo Trần Xuân K đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1, Điều 48- BLHS là có căn cứ.

- Cấp sơ thẩm xác định các bị cáo H3, P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48- BLHS là có căn cứ.

[3.5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cấp sơ thẩm xác định:

- Các bị cáo P, H3, K đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 của BLHS là có căn cứ.

- Các bị cáo Hoàng Thị H3, Trần Xuân K đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra đề đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 46- BLHS là có căn cứ.

- Bị cáo Nguyễn Văn P có bố là thương binh cấp sơ thẩm xác định bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x, khoản 1, Điều 51- BLHS năm 2015 là không chính xác, bởi vì: Tại thời điểm xét xử Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có sự sửa đổi, bổ sung; các Nghị quyết số 109 và Nghị quyết số 144 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 nêu trên đã hết hiệu lực thi hành; việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 được căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội (có hiệu lực thi hành từ ngày 05/7/2017). Theo đó để áp dụng tình tiết quy định tại điểm x, khoản 1, Điều 51 – Bộ luật Hình sự thì người phạm tội phải là “người có công với cách mạng” hoặc là “cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”. Do đó trường hợp này chỉ áp dụng cho bị cáo P tại khoản 2, Điều 46- Bộ luật Hình sự năm 1999, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những nội dung trên cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn là có căn cứ pháp luật.

[4]. Tại quá trình xét xử phúc thẩm:

[4.1]. Bị cáo H3 cung cấp có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3 nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 46- BLHS 1999 cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn thi hành xong tiền án phí, tiền phạt, tiền truy thu sung quỹ nhà nước theo quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Bị cáo P chấp hành xong nghĩa vụ quân sự nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 46- BLHS cho bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX thấy mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là đã có sự chiếu cố, khoan hồng, giảm nhẹ nên không thể chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn P, Hoàng Thị H3.

[4.2]. Quan điểm của bị cáo K và người bào chữa cho bị cáo về việc cấp sơ thẩm đánh giá vai trò của bị cáo và bị cáo Phan Văn C1 không công bằng dẫn đến áp dụng hình phạt không tương xứng là có căn cứ chấp nhận vì: Mặc dù cả bị cáo và bị C1 đều có tiền án nhưng bị cáo C1 có tiền án về tội “Đánh bạc” còn bị cáo K là tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên tính chất tái phạm có sự khác nhau. Ngoài ra bị cáo C1 tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt còn bị cáo K tham gia đánh bạc sau, số tiền tham gia đánh bạc của K là 650.000 đồng, của C1 là 950.000 đồng. Do đó việc cấp sơ thẩm đánh giá vai trò và xử phạt bị cáo C1 và K mức án 10 tháng tù là không chính xác. Cần xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Xuân K.

[4.3]. Đối với bị cáo K, P là thành viên gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo có

xác nhận của chính quyền địa phương năm 2018, do đó HĐXX chấp nhận kháng cáo, miễn tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

[4.4].Từ những nội dung trên, HĐXX áp dụng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 355; Điều 356; điểm a, điểm c, khoản 1, Điều 357- Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù đối với các bị cáo H3, P; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo K; chấp nhận kháng cáo miễn áp dụng hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo K, P.

[4.5].Về số tiền 5.600.000 đồng bị cáo H3 đã nộp tại biên lai số AA/2010/006127 ngày 24/01/2018 của Chi cục THADS huyện T, tỉnh Bắc Giang cần xác nhận cho bị cáo trong quá trình thi hành bản án.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm:

[5.1].Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P do là hộ cận nghèo tại địa phương.

[5.2].Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Xuân K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5.3].Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Thị H3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 355; Điều 356; điểm a, điểm c, khoản 1, Điều 357- Bộ luật tố tụng hình sự, Xử:

[1.1].Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn P, Hoàng Thị H3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Hoàng Thị H.

[1.2].Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân K về hình phạt tù và kháng cáo về áp dụng hình phạt bổ sung của các bị cáo Trần Xuân K, Nguyễn Văn P. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đối với các bị cáo Trần Xuân K, Nguyễn Văn P.

[1.3].Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị H3, Nguyễn Văn P, Trần Xuân K phạm tội “Đánh bạc”.

[1.4].Về hình phạt:

[1.4.1]. Áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian thụ hình (từ ngày 01/11/2016 đến ngày 23/11/2016).

[1.4.2].Áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 - BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Thị H3 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian thụ hình (từ ngày 03/02/2017 đến ngày 03/4/2017).

[1.4.3].Áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; điểm g, khoản 1, Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Xuân K 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[1.5].Về áp dụng hình phạt bổ sung, án phí sơ thẩm: Miễn hình phạt tiền bổ sung, án phí mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Trần Xuân K, Nguyễn Văn P.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

[2.1].Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P do là hộ cận nghèo tại địa phương.

[2.2].Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Xuân K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[2.3].Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hoàng Thị H3 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các vấn đề khác:

[3.1]. Xác nhận bị cáo Hoàng Thị H3 đã nộp số tiền 5.600.000 đồng tại biên lai số AA/2010/006127 ngày 24/01/2018 của Chi cục THADS huyện T, tỉnh Bắc Giang.

[3.2].Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 46/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng